TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ L	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH AN GIANG	

Bản án số: 85/2018/HNST-ST
Ngày 12 tháng 9 năm 2018
V/v "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Hậu

2. Ông Huỳnh Văn Nam

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1978.

+ Địa chỉ: khóm 2, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1972.

+ Địa chỉ: khóm 2, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh S tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban phường Đ ngày 21/02/2003, hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn ông bà thường phát sinh mâu thuẫn do ông S uống rượu về kiếm chuyện gây gỗ đánh bà và có những lời lẽ xúc phạm vợ và gia đình vợ. Vì muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà và cha mẹ hai bên động viên khuyên nhủ Nng ông S vẫn không thay đổi. Do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1999 đã trưởng thành và có khả năng lao động; Nguyễn Quốc B, sinh ngày 21/9/2007. Bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B sau khi ly hôn, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết cũng N tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên với những mâu thuẫn N bà L trình bày thì ông không đồng ý mà vợ chồng bất hòa là do mâu thuẫn về kinh tế, trong cuộc sống vợ chồng bà L không quan tâm, chia sẻ với ông những khó khăn, vất vả trong công việc. Ông là thợ hồ sau khi đi làm về có uống rượu với bạn nhưng không thường xuyên dẫn đến đôi lúc vợ chồng cải vã, lời qua tiếng lại nhưng chưa đến mức trầm trọng. Bà L cũng có thiếu sót là không quan tâm đến gia đình mà suốt ngày sử dụng điện thoại, ông có góp ý nhắc nhở nhưng bà L vẫn không thay đổi. Tuy cuộc sống hôn nhân có bất hòa nhưng ông vẫn yêu thương bà L, hơn nữa các con cũng cần tình cảm của cha mẹ trong một gia đình, nên ông không đồng ý ly hôn. Ông yêu cầu Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn nhằm xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Ông thống nhất lời trình bày của bà L là ông bà có hai con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1999 đã trưởng thành và có khả năng lao động; Nguyễn Quốc B, sinh ngày 21/9/2007. Ông có nguyện vọng đoàn tụ Nng nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, ông yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, đúng N bà L trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự N sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Tòa án thành phố L giải quyết là đúng thẩm quyền. Các văn bản tố tụng được tống đạt cho các đương sự đúng quy định tại Điều 170, 171, 177 BLTTDS. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 203 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Bà L và ông S thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 và 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Võ Thị Kim L đối với ông Nguyễn Thanh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông S có địa chỉ thường trú tại khóm 2, phường Đ, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà L và ông S tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ vào năm 2003 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà L trình bày sau khi kết hôn vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do ông S uống rượu về kiếm chuyện gây gỗ đánh bà và dùng những lời lẽ xúc phạm vợ và gia đình vợ. Vì muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng bà và cha mẹ hai bên động viên, khuyên nhủ Nng ông S vẫn không thay đổi. Do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông S.

[3] Ông S cho rằng vợ chồng bất hòa là do mâu thuẫn về kinh tế, trong cuộc sống vợ chồng bà L không quan tâm, chia sẻ với ông những khó khăn vất vả trong công việc. Thỉnh thoảng ông có uống rượu với bạn khi đi làm về, mặc dù không thường xuyên Nng bà L vẫn không thông cảm mà có những lời lẽ xúc phạm ông trước mặt bạn làm chung tại bàn tiệc, do không kềm chế nên ông có đánh bà L Nng được mọi người can ngăn. Mặc dù trong gia đình đôi lúc vợ chồng xảy ra cải vã, lời qua tiếng lại Nng chưa đến mức trầm trọng, bà L cũng có thiếu sót là ít quan tâm đến gia đình mà thường sử dụng điện thoại, ông có góp ý Nng bà L vẫn không thay đổi. Tuy vợ chồng bất hòa Nng ông vẫn yêu thương bà L, ông có nguyện vọng được đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhằm xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung.

[4] Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường Đ ngày 14/8/2018 thể hiện, quá trình chung sống địa phương nhận thấy bà L và ông S có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông S uống rượu về gây gỗ với vợ con.

[5] Qua lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, bà L cho rằng ông S thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện gây gỗ đánh bà và xúc phạm đến gia đình bà. Ông S thừa nhận lời trình bày của bà L và nội dung xác minh của Tòa án tại địa phương, tuy nhiên ông S cho rằng nguyên nhân ông đánh bà L là do bà L xúc phạm ông trước nhiều người. Lời trình bày này của ông S được bà L xác nhận. Tuy trong gia đình ông bà ít có sự quan tâm chia sẻ với nhau, thiếu tôn trọng nhau mỗi khi có việc không vừa ý. Xét thấy, mặc dù cuộc sống hôn nhân của ông bà có phát sinh mâu thuẫn, Nng mâu thuẫn đó chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn. Hơn nữa, tại phiên tòa ông S và bà L trình bày hai con của ông bà đã lớn, cháu N đang học Đại học và cháu B đang học Lớp 6, nên rất cần sự quan tâm của cha mẹ. Vì vậy, nếu chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống, tinh thần và kết quả học tập của các con ông S, bà L. Do đó, Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà L được ly hôn ông S, N đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông bà trình bày không có.

[8] Về án phí: Bà Võ Thị Kim L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1, Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Bác đơn khởi kiện của bà Võ Thị Kim L ly hôn ông Nguyễn Thanh S.

Về án phí: Bà Võ Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009729, ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa